TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lại Đức Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Thêu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Tuyết Trinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 67/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị H** – sinh năm 1980
Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng S** – sinh năm 1978
ĐKHK: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.
Hiện đang cư trú tại Australia.
(Chị H, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Phan Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/12/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa phương. Đến năm 2010, anh S đi lao động tại Australia. Đến năm 2013, khi cuộc sống tại Australia đã ổn định, anh S đã có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Từ đó anh S đã cắt đứt liên lạc, không còn quan tâm đến vợ con. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người tự lo cuộc sống riêng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Chị và anh S có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh H1 sinh ngày 02/10/1998 và Nguyễn Quỳnh T1 sinh ngày 20/5/2005. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu T1, còn cháu H1 đã trưởng thành, tự lo liệu được cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn - anh Nguyễn Trọng S không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị P ở thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình là mẹ đẻ anh S; bà P khai: Năm 2011, anh S đi du lịch ở Australia rồi ở lại Australia để làm ăn. Trong 4 năm đầu ở nước ngoài, anh S và chị H vẫn liên lạc bình thường và anh S vẫn thường xuyên gửi tiền về cho chị H nuôi con. Thời gian sau đó, bà không biết anh S có gửi tiền về cho chị H nữa không nhưng chị H phàn nàn với bà việc anh S gửi tiền càng ngày càng ít và nghi ngờ anh S có người phụ nữ khác, chị H có nhờ bà khuyên nhủ anh S. Hiện nay anh S đã có con riêng với chị Đoàn Thị M1 ở Australia. Vừa qua, chị M1 có đem cả con chung của anh S và chị M1 về du lịch tại Việt Nam, bà cũng có gặp mẹ con chị M1. Anh S vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua mạng xã hội và vẫn gửi tiền qua bà để cho các con của anh S, anh S còn hẹn bà 3 năm sau anh S sẽ về nước đưa các con đi nước ngoài. Nay chị H xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để chị H, anh S xây dựng cuộc sống mới.

Bà đã nhận thông báo thụ lý vụ án ly hôn và các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và đã thông báo cho anh S biết, anh S có nói với bà là anh đồng ý ly hôn với chị H và giao con T1 cho chị H trực tiếp nuôi, anh S không yêu cầu giải quyết về tài sản. Anh S đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh vì anh S chưa đủ thủ tục để về nước, nếu về nước thì không thể sang Australia được nữa, anh S nói với bà là anh S không có nơi ở ổn định, thường xuyên thay đổi nơi ở; bà có hỏi chị M1 thì chị M1 cũng chỉ nói với bà là anh S hiện đang ở Australia và thường xuyên thay đổi địa chỉ nên bà không cung cấp được địa chỉ của anh S ở nước ngoài cho Tòa án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa là đúng pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trọng S.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh T1 sinh ngày 20/5/2005 cho chị H nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị H, anh S đều đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh S.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Trọng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 26/12/1997 – đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Lời khai của chị H và lời khai của bà P (mẹ đẻ anh S) đều thể hiện việc anh S không chung thủy, có quan hệ ngoài vợ chồng với người khác và có con riêng. Từ nhiều năm nay, anh S và chị H không còn quan tâm đến nhau nữa, anh S đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh S ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh H1 sinh ngày 02/10/1998 và Nguyễn Quỳnh T1 sinh ngày 20/5/2005. Cháu H1 đã thành niên nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị H, nguyện vọng của cháu là khi chị H và anh S ly hôn, cháu xin được ở với mẹ; vì vậy, cần giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Xét việc chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, chị H vẫn đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu T1; vì vậy, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của chị H.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H, anh S đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trọng S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh T1 sinh ngày 20/5/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H: không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh S vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0009093 ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh